

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy - đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Đình Quang	Thành viên
Ông Lê Minh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Chu Tất Đạt	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/04/2021
Ông Chu Tất Đạt	Phó Giám đốc	
Ông Đỗ Ngọc Thắng	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đào Ngọc Thành	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Nhữ Văn Nguyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Đình Quang

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng được lập ngày 10 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.875.174.971	45.916.037.840
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.589.518.305	28.430.568.591
111	1. Tiền		7.589.518.305	14.430.568.591
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	14.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.818.136.497	15.338.113.018
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	14.682.361.373	15.840.767.185
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	358.516.491
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	136.638.724	389.979.942
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.000.863.600)	(1.251.150.600)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.260.946.429	1.862.729.249
141	1. Hàng tồn kho		1.260.946.429	1.862.729.249
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		206.573.740	284.626.982
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	190.667.435	188.800.011
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.906.305	95.826.971
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.871.664.810	6.667.425.962
220	II. Tài sản cố định		2.581.437.162	4.340.498.162
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.581.437.162	4.340.498.162
222	- Nguyên giá		53.912.291.904	53.912.291.904
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.330.854.742)	(49.571.793.742)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
228	- Nguyên giá		80.000.000	80.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.290.227.648	2.326.927.800
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.290.227.648	2.326.927.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		54.746.839.781	52.583.463.802

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.670.064.847	13.615.433.027
310	I. Nợ ngắn hạn		12.670.064.847	13.615.433.027
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.585.172.229	7.277.282.723
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	10.450.000	500.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	722.200.511	173.896.126
314	4. Phải trả người lao động		5.416.739.555	3.741.995.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		109.108.567	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	650.134.777	835.637.687
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.176.259.208	1.086.621.433
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.076.774.934	38.968.030.775
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	42.076.774.934	38.968.030.775
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		27.000.000.000	27.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		27.000.000.000	27.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.983.400.000	4.283.400.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.093.374.934	7.684.630.775
421b	LNST chưa phân phối năm nay		8.093.374.934	7.684.630.775
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>54.746.839.781</u>	<u>52.583.463.802</u>



Vũ Thị Lựu
Người lập



Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	94.651.232.097	82.693.916.701
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.651.232.097	82.693.916.701
11	4. Giá vốn hàng bán	17	72.661.487.679	59.764.507.841
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.989.744.418	22.929.408.860
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	678.026.337	604.989.031
22	7. Chi phí tài chính	19	7.371.484	1.555.200
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	12.368.151.717	14.550.341.790
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.292.247.554	8.982.500.901
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	21	100.423.109	-
40	13. Lợi nhuận khác		(100.423.109)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.191.824.445	8.982.500.901
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	2.098.449.511	1.297.870.126
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.093.374.934</u>	<u>7.684.630.775</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.998	2.846



Vũ Thị Lựu
Người lập



Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.191.824.445	8.982.500.901
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.759.061.000	1.777.619.071
03	- Các khoản dự phòng		(250.287.000)	285.626.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(677.767.137)	(604.989.031)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.022.831.308	10.440.756.941
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.922.932.132	(3.574.227.007)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		601.782.820	(568.618.795)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.660.166.590)	4.763.061.649
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.965.167.272)	2.740.672.243
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.497.870.126)	(1.413.394.062)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.194.993.000)	(1.854.155.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.229.349.272	10.534.095.969
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		605.019.192	604.989.031
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		605.019.192	604.989.031
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.675.418.750)	(315.889.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.675.418.750)	(315.889.250)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.158.949.714	10.823.195.750
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.430.568.591	17.607.372.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	32.589.518.305	28.430.568.591



Vũ Thị Lựu
Người lập



Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy - đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 06/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 27.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 27.000.000.000 đồng; tương đương 2.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 116 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 119 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy;
- Cho thuê tàu lai;
- Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy;
- Trục vớt tàu biển;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý và vận tải đường biển;
- Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm);
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là lai dắt tàu và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	133.501.025	89.508.557
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.456.017.280	12.620.205.194
Tiền đang chuyển	-	1.720.854.840
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	14.000.000.000
	<u>32.589.518.305</u>	<u>28.430.568.591</u>

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 25.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,4 %/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	6.691.997.933	-	9.286.115.695	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	3.159.920.850	-	2.202.196.649	-
Công An Thành Phố Hải Phòng	1.088.000.000	-	1.088.000.000	(326.400.000)
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	222.035.000	-	365.915.000	-
Phải thu khách hàng khác	3.520.407.590	(1.000.863.600)	2.898.539.841	(924.750.600)
	<u>14.682.361.373</u>	<u>(1.000.863.600)</u>	<u>15.840.767.185</u>	<u>(1.251.150.600)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>10.073.953.783</u>	<u>-</u>	<u>11.854.227.344</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.747.945	-	-	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	937.540	-	-	-
Tạm ứng	-	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	300.000.000	-
Phải thu khác	62.953.239	-	39.979.942	-
	136.638.724	-	389.979.942	-

6 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Duyên Hải	442.535.600	-	442.535.600	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Hương	304.618.000	-	304.618.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải và lai dất Biển Đông	253.710.000	-	253.710.000	76.113.000
- Công an Thành phố Hải Phòng	-	-	1.088.000.000	761.600.000
	1.000.863.600	-	2.088.863.600	837.713.000

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.243.346.429	-	1.862.729.249	-
Công cụ, dụng cụ	17.600.000	-	-	-
	1.260.946.429	-	1.862.729.249	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	353.118.405	53.357.245.772	201.927.727	53.912.291.904
Số dư cuối năm	<u>353.118.405</u>	<u>53.357.245.772</u>	<u>201.927.727</u>	<u>53.912.291.904</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	277.170.405	49.092.695.610	201.927.727	49.571.793.742
- Khấu hao trong năm	33.750.000	1.725.311.000	-	1.759.061.000
Số dư cuối năm	<u>310.920.405</u>	<u>50.818.006.610</u>	<u>201.927.727</u>	<u>51.330.854.742</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	75.948.000	4.264.550.162	-	4.340.498.162
Tại ngày cuối năm	<u>42.198.000</u>	<u>2.539.239.162</u>	<u>-</u>	<u>2.581.437.162</u>

- Trong đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
18.314.911.107 đồng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với nguyên giá là 80.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2021, tài sản đã khấu hao hết và vẫn được sử dụng.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	190.667.435	188.800.011
	<u>190.667.435</u>	<u>188.800.011</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.157.330.108	404.225.233
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.132.897.540	1.922.702.567
	<u>4.290.227.648</u>	<u>2.326.927.800</u>

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh	-	200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phương Anh	-	300.000.000
Người mua trả tiền trước khác	10.450.000	-
	<u>10.450.000</u>	<u>500.000.000</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải 568	1.853.971.999	1.853.971.999	1.721.430.000	1.721.430.000
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	48.856.896	48.856.896	1.605.435.159	1.605.435.159
- Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	265.204.500	265.204.500	342.967.900	342.967.900
- Công ty TNHH K.N.V	-	-	826.780.000	826.780.000
- Phải trả các đối tượng khác	2.417.138.834	2.417.138.834	2.780.669.664	2.780.669.664
	4.585.172.229	4.585.172.229	7.277.282.723	7.277.282.723
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)</i>	117.072.736	117.072.736	1.625.570.439	1.625.570.439

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	3.371.025.736	3.371.025.736	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	97.870.126	2.098.449.511	1.497.870.126	-	698.449.511
Thuế Thu nhập cá nhân	-	76.026.000	349.000.729	401.275.729	-	23.751.000
Các loại thuế khác	-	-	6.694.000	6.694.000	-	-
	-	173.896.126	5.825.169.976	5.276.865.591	-	722.200.511

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	2.123.160
- Bảo hiểm xã hội	2.861.223	2.622.693
- Bảo hiểm y tế	1.131.316	1.167.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	504.711	483.241
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	348.498.300	323.917.050
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	297.139.227	505.324.227
	650.134.777	835.637.687

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DÁT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	3.083.400.000	3.062.416.217	33.145.816.217
Lãi trong năm trước	-	-	7.684.630.775	7.684.630.775
Phân phối lợi nhuận	-	1.200.000.000	(3.062.416.217)	(1.862.416.217)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	4.283.400.000	7.684.630.775	38.968.030.775
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	4.283.400.000	7.684.630.775	38.968.030.775
Lãi trong năm nay	-	-	8.093.374.934	8.093.374.934
Phân phối lợi nhuận	-	2.700.000.000	(7.684.630.775)	(4.984.630.775)
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	6.983.400.000	8.093.374.934	42.076.774.934

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 286/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.684.630.775
Trích Quỹ đầu tư phát triển	35,14%	2.700.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29,73%	2.284.630.775
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	35,14%	2.700.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	60,00%	16.200.000.000	60,00%	16.200.000.000
Các cổ đông khác	40,00%	10.800.000.000	40,00%	10.800.000.000
	100%	27.000.000.000	100%	27.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.000.000.000		27.000.000.000	
- Vốn góp đầu năm	27.000.000.000		27.000.000.000	
- Vốn góp cuối năm	27.000.000.000		27.000.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận:				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	323.917.050		639.806.300	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.700.000.000		-	
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.700.000.000		-	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(2.675.418.750)		(315.889.250)	
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(2.675.418.750)		(315.889.250)	
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	348.498.300		323.917.050	
d) Cổ phiếu	31/12/2021		01/01/2021	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000		2.700.000	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.700.000		2.700.000	
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000		2.700.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000		2.700.000	
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000		2.700.000	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000		10.000	
e) Cổ tức	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	1.620.000.000		-	
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	1.620.000.000		-	
	1.620.000.000		-	
Theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 05/01/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty tạm ứng cổ tức năm 2021 mức 6,0%/cổ phiếu bằng tiền mặt, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 19/01/2022, thời gian thực hiện chi trả là ngày 10/02/2022.				
f) Các quỹ công ty	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Quỹ đầu tư phát triển	6.983.400.000		4.283.400.000	
	6.983.400.000		4.283.400.000	
16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2021		Năm 2020	
	VND		VND	
Dịch vụ hỗ trợ lai đất	80.276.885.522		72.186.148.577	
Dịch vụ bốc xếp	-		146.627.290	
Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	1.196.986.364		1.086.259.100	
Dịch vụ khác	13.177.360.211		9.274.881.734	
	94.651.232.097		82.693.916.701	
	54.985.850.049		58.447.687.401	
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)				

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dịch vụ hỗ trợ lai đất	58.935.981.460	48.807.607.351
Dịch vụ bốc xếp	541.355.715	910.212.852
Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	698.744.898	752.376.004
Dịch vụ khác	12.485.405.606	9.294.311.634
	72.661.487.679	59.764.507.841

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào và đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán:
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 27)

6.207.884.079	5.857.094.961
---------------	---------------

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	677.767.137	604.989.031
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	259.200	-
	678.026.337	604.989.031

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.371.484	1.555.200
	7.371.484	1.555.200

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.797.843	283.092.497
Chi phí nhân công	8.017.576.465	7.771.620.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.136.405
Thuế, phí, lệ phí	24.644.000	22.644.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(250.287.000)	285.626.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.572.801.425	4.385.800.079
Chi phí khác bằng tiền	1.687.618.984	1.800.422.324
	12.368.151.717	14.550.341.790

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí ủng hộ quỹ Phòng chống Covid - 19	100.000.000	-
Chi phí khác	423.109	-
	100.423.109	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.191.824.445	8.982.500.901
Các khoản điều chỉnh tăng	300.423.109	288.000.000
- Chi phí không hợp lệ	300.423.109	288.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.492.247.554	9.270.500.901
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.098.449.511	1.854.100.180
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	556.230.054
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.098.449.511	1.297.870.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	97.870.126	213.394.062
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.497.870.126)	(1.413.394.062)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	698.449.511	97.870.126

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.093.374.934	7.684.630.775
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.093.374.934	7.684.630.775
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.998	2.846

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.430.246.855	14.800.483.194
Chi phí nhân công	25.000.294.755	23.759.031.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.759.061.000	1.777.619.071
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(250.287.000)	285.626.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.526.637.772	25.968.490.846
Chi phí khác bằng tiền	10.563.686.014	8.009.225.290
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	85.029.639.396	74.600.475.631

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.589.518.305	-	28.430.568.591	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.819.000.097	(1.000.863.600)	16.230.747.127	(1.251.150.600)
	47.408.518.402	(1.000.863.600)	44.661.315.718	(1.251.150.600)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			5.235.307.006	8.112.920.410
Chi phí phải trả			109.108.567	-
			5.344.415.573	8.112.920.410

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI ĐẤT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNGSố 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.589.518.305	-	-	32.589.518.305
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.818.136.497	-	-	13.818.136.497
	<u>46.407.654.802</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>46.407.654.802</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.430.568.591	-	-	28.430.568.591
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.979.596.527	-	-	14.979.596.527
	<u>43.410.165.118</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>43.410.165.118</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LẠI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.235.307.006	-	-	5.235.307.006
Chi phí phải trả	109.108.567	-	-	109.108.567
	<u>5.344.415.573</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.344.415.573</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.112.920.410	-	-	8.112.920.410
	<u>8.112.920.410</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.112.920.410</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau.

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu		54.985.850.049	58.447.687.401
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty Mẹ	40.690.795.724	41.105.740.522
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng Tập đoàn	10.299.004.325	13.816.496.879
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng Tập đoàn	3.996.050.000	3.525.450.000
Mua hàng		6.207.884.079	5.857.094.961
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty Mẹ	5.900.343.879	5.857.094.961
Công ty TNHH MTV Trung Tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	37.867.000	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng Tập đoàn	269.673.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Số 04 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		10.073.953.783	11.854.227.344
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty Mẹ	6.691.997.933	9.286.115.695
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng Tập đoàn	3.159.920.850	2.202.196.649
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng Tập đoàn	222.035.000	365.915.000
Phải trả người bán		117.072.736	1.625.570.439
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ	48.856.896	1.605.435.159
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng Tập đoàn	68.215.840	20.135.280

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thù lao của thành viên HĐQT			
Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Hoàng Đình Quang	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Chu Tất Đạt	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác (không bao gồm thù lao HĐQT)	Chức vụ		
Hoàng Đình Quang	Giám đốc	700.899.083	496.334.294
Chu Tất Đạt (Bổ nhiệm PGĐ ngày 07/04/2021)	Phó Giám đốc	446.127.583	-
Phạm Việt Hà (Nghỉ chế độ từ ngày 31/10/2020)	Phó Giám đốc	-	300.695.972
Nguyễn Văn Đào (Nghỉ chế độ từ ngày 31/10/2020)	Phó Giám đốc	-	296.542.792
Vũ Đức Thành (Nghỉ chế độ từ ngày 01/06/2020)	Phó Giám đốc	-	264.183.774

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Lựu
Người lập



Đỗ Ngọc Thắng
Kế toán trưởng





Hoàng Đình Quang
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 01 năm 2022